

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 64/2024/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 04 tháng 12 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định công tác quản lý, vận hành và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng bằng nguồn vốn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I từ năm 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, ban hành kèm theo Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 24/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ, về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;*

Căn cứ Thông tư số 18/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 27/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về sửa đổi, bổ sung điều 5 của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm Nghị

quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tỉnh Cao Bằng.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định công tác quản lý, vận hành và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng bằng nguồn vốn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I từ năm 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

1. Bổ sung Điều 1 như sau:

### **“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định công tác quản lý, vận hành và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng bằng nguồn vốn sự nghiệp thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I từ năm 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 4 như sau:

“6. Ủy ban nhân dân cấp xã là chủ đầu tư đối với nguồn kinh phí sự nghiệp hỗ trợ duy tu, bảo dưỡng công trình.

Nguồn kinh phí hỗ trợ này, được phép sử dụng cho công tác quản lý vận hành, duy tu, bảo dưỡng các công trình xây dựng trên địa bàn do Ủy ban nhân dân xã được giao quản lý”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7 như sau:

“3. Chi phí duy tu, bảo dưỡng công trình xây dựng được xác định bằng dự toán. Dự toán chi phí duy tu bảo dưỡng công trình gồm: Chi phí thực hiện các công việc duy tu, bảo dưỡng định kỳ hàng năm, chi phí sửa chữa công trình, chi phí tư vấn phục vụ duy tu bảo dưỡng công trình, chi phí quản lý thuộc trách nhiệm chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình. Dự toán chi phí duy tu bảo dưỡng công trình được xác định như sau:

a) Chi phí thực hiện các công việc duy tu, bảo dưỡng định kỳ hàng năm: Được xác định bằng định mức tỷ lệ phần trăm (%) nhân với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị công trình, trong đó:

a1) Chi phí xây dựng và chi phí thiết bị công trình xác định căn cứ vào giá trị quyết toán của công trình và điều chỉnh về mặt bằng giá tại thời điểm lập kế hoạch duy tu bảo dưỡng. Trường hợp chưa có giá trị quyết toán của công trình thì chi phí xây dựng và chi phí thiết bị xác định theo suất vốn đầu tư của công trình tương ứng do cơ quan có thẩm quyền công bố.

Định mức tỷ lệ phần trăm (%) chi phí thực hiện các công việc duy tu, bảo dưỡng định kỳ hàng năm xác định theo hướng dẫn tại Phụ lục I ban hành kèm quyết định này.

a2) Căn cứ loại, cấp công trình, quy trình bảo trì công trình, điều kiện quản lý khai thác cụ thể của công trình, tổ công tác duy tu, bảo dưỡng công trình lập kế hoạch và chi phí thực hiện các công việc duy tu, bảo dưỡng định kỳ hàng năm của công trình. Chi phí này không được vượt định mức tỷ lệ phần trăm (%) chi phí thực hiện các công việc duy tu bảo dưỡng định kỳ hàng năm. Dự toán chi phí cho công tác duy tu, bảo dưỡng quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

a3) Trường hợp đối với công trình không có lưu giữ hồ sơ bản vẽ hoàn công, Ủy ban nhân dân xã giao Công chức địa chính xây dựng lập lại hồ sơ bản vẽ hoàn công theo thực tế hiện trạng công trình, cụ thể: Mô tả được vị trí, kích thước, vật liệu và thiết bị được sử dụng thực tế, kết hợp với ảnh chụp mô tả hiện trạng công trình (nếu có).

a4) Trường hợp gặp khó khăn trong khảo sát, lập Hồ sơ bản vẽ hoàn công công trình, Ủy ban nhân dân xã thuê đơn vị tư vấn có đủ năng lực để hỗ trợ khảo sát hiện trạng, lập Hồ sơ bản vẽ hoàn công và lập dự toán sửa chữa công trình, chi phí thuê tư vấn hỗ trợ theo điểm c, khoản 3, Điều 1 Quy định này.

b) Chi phí sửa chữa công trình: Xác định chi phí theo Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

c) Chi phí tư vấn phục vụ duy tu, bảo dưỡng công trình:

c1) Đối với các công việc tư vấn: Được xác định chi phí theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 3 Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

c2) Đối với các công việc tư vấn như: Quan trắc công trình phục vụ công tác duy tu, bảo dưỡng; khảo sát phục vụ thiết kế sửa chữa, thí nghiệm phục vụ công tác tư vấn bảo trì công trình và một số công việc tư vấn khác, được xác định chi phí theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 3 Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

c3) Đối với các công việc tư vấn như: Lập, thẩm tra quy trình bảo trì công trình (trường hợp chưa có quy trình bảo trì) hoặc điều chỉnh quy trình bảo trì công trình xây dựng; kiểm định chất lượng công trình phục vụ công tác bảo trì; kiểm tra công trình đột xuất theo yêu cầu; đánh giá định kỳ về an toàn của công trình trong quá trình vận hành, sử dụng và các công việc tư vấn áp dụng định mức đã được quy định nhưng không phù hợp thì xác định bằng lập dự toán.

c4) Trường hợp sửa chữa công trình có chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng trở lên yêu cầu lập báo cáo kinh tế kỹ thuật hoặc dự án đầu tư sửa chữa công trình thì chi phí tư vấn phục vụ sửa chữa xác định trong tổng mức đầu tư xây dựng, dự toán xây dựng công trình.

d) Chi phí quản lý duy tu, bảo dưỡng thuộc trách nhiệm chủ sở hữu hoặc người quản lý công trình: Xác định theo Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

đ) Quy định về thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh chi phí:

đ1) Đối với trường hợp sửa chữa công trình, thiết bị có chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng trở lên sử dụng vốn ngân sách nhà nước thì Ủy ban nhân dân xã tổ chức lập, trình thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật và quản lý thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

đ2) Đối với trường hợp sửa chữa công trình, thiết bị có chi phí dưới 500 triệu đồng sử dụng vốn ngân sách nhà nước thì Ủy ban nhân dân xã tổ chức phê duyệt kế hoạch duy tu, bảo dưỡng công trình. Trong đó, thuyết minh cụ thể các nội dung: Tiêu chuẩn định mức kinh tế - kỹ thuật bảo dưỡng, sửa chữa; tên tài sản công cần bảo dưỡng, sửa chữa; thời gian bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công gần nhất; lý do, mục tiêu, khối lượng bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công; kinh phí phân bổ; dự kiến thời gian thực hiện và thời gian hoàn thành... theo hướng dẫn tại Phụ lục IV ban hành kèm Quyết định này.

đ3) Trường hợp không đủ năng lực thẩm định kế hoạch duy tu, bảo dưỡng công trình, Ủy ban nhân dân xã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân huyện giao cơ quan chuyên môn trực thuộc hỗ trợ tổ chức thẩm định”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

**“Điều 8. Quản lý, phân bổ vốn duy tu, bảo dưỡng**

Hàng năm căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách được Chính phủ giao, trên cơ sở nhu cầu vốn duy tu, bảo dưỡng được cấp huyện tổng hợp, Ban Dân tộc phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập kế hoạch phân bổ vốn cho từng huyện, thành phố, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Cụ thể:

1. Quản lý vốn duy tu, bảo dưỡng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

2. Việc phân bổ nguồn vốn: Theo quy định tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

3. Giao kế hoạch vốn duy tu, bảo dưỡng:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao kế hoạch vốn duy tu, bảo dưỡng cho các huyện trước (31/12) hàng năm.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giao kế hoạch vốn duy tu, bảo dưỡng (gồm vốn bổ sung nếu có) cho các xã trước (30/01) năm sau.

c) Quyết định giao kế hoạch vốn duy tu, bảo dưỡng là căn cứ Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt dự toán duy tu, bảo dưỡng hoặc kế hoạch duy tu, bảo dưỡng.

d) Căn cứ vào Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo công khai vốn đến từng xóm và Nhân dân trong xã biết.

- Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt kế hoạch duy tu, bảo dưỡng từng công trình.

đ) Việc chuyển nguồn kinh phí duy tu bảo dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và quy định của cấp có thẩm quyền.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 13 như sau:

“2. Chỉ đạo phòng Kinh tế - Hạ tầng hỗ trợ cấp xã lập và thẩm định kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện duy tu, bảo dưỡng công trình.”

6. Bổ sung nội dung khoản 4 Điều 13 như sau:

“4. Chỉ đạo phòng Dân tộc cấp huyện thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn cấp xã thực hiện và chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo bằng văn bản việc triển khai thực hiện duy tu, bảo dưỡng công trình theo đúng với quy định này.”

7. Sửa đổi, điều chỉnh khoản 4 Điều 13 thành khoản 5 Điều 13.

8. Sửa đổi, điều chỉnh khoản 5 Điều 13 thành khoản 6 Điều 13.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 14 như sau:

“2. Căn cứ quyết định giao kế hoạch vốn duy tu, bảo dưỡng của Ủy ban nhân dân cấp huyện và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã giao cho các Tổ công tác duy tu, bảo dưỡng công trình đảm nhận thực hiện. Trường hợp những khối lượng công việc đòi hỏi kỹ thuật phức tạp và sử dụng máy móc thi công lớn, tổ công tác duy tu, bảo dưỡng không đủ điều kiện và khả năng thực hiện, thì Tổ được phép ký hợp đồng thuê tổ chức, cá nhân đủ năng lực thực hiện phần khối lượng công việc duy tu, bảo dưỡng đó.”

10. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục IIIa, Phụ lục IIIb, Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

## **Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Đối với các nội dung, nhiệm vụ đã triển khai thực hiện trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực phù hợp với quy định của pháp luật thì tiếp tục thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền và hướng dẫn tại Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 24/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng hoặc điều chỉnh theo quy định tại Quyết định này.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo rà soát, điều chỉnh các nội dung, nhiệm vụ triển khai thực hiện Chương trình theo hướng dẫn tại Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

**Điều 3. Điều khoản thi hành**

- Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 12 năm 2024
- Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.
- Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Thành viên Ban chỉ đạo thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 – 2025; Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn; các tổ chức, cá nhân và cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Hoàng Xuân Ánh**

**Phụ lục II**  
**TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ DUY TU, BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND ngày 04/12/2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Công trình: .....

Đơn vị tính: đồng.

TT	Nội dung chi phí	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế	Ký hiệu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Chi phí thực hiện các công việc duy tu, bảo dưỡng định kỳ hàng năm				G <sub>BTHN</sub>
2	Chi phí sửa chữa công trình				G <sub>SC</sub>
3	Chi phí tư vấn phục vụ duy tu, bảo dưỡng công trình				G <sub>TV</sub>
4	Chi phí quản lý duy tu, bảo dưỡng thuộc trách nhiệm chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình				G <sub>QL</sub>
	<b>TỔNG CỘNG (1+2+3+4)</b>				G <sub>BTCT</sub>

*\*/ Chi phí quản lý dự án (G<sub>QL</sub>), chi phí tư vấn đầu tư xây dựng (G<sub>TV</sub>) được ước tính; hoặc xác định theo định mức; hoặc bằng cách lập dự toán; hoặc từ dữ liệu của các dự án tương tự đã thực hiện. Trường hợp ước tính thì tổng giá trị các chi phí này (G<sup>SB</sup><sub>QL</sub> + G<sup>SB</sup><sub>TV</sub>) không vượt quá 10% của Tổng chi phí (bao gồm: sửa chữa + Duy tu, bảo dưỡng định kỳ hàng năm công trình và chi phí thiết bị) của dự án.*



**Phụ lục III**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 64./2024/QĐ-UBND ngày 04/12./2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

**BẢNG DỰ TOÁN CHI PHÍ SỬA CHỮA CÔNG TRÌNH**

(Có chi phí dưới 500 triệu đồng)

**Công trình:** .....

**Địa điểm thực hiện :** .....

Căn cứ .....

Căn cứ .....

**I. .... lập dự toán sửa chữa công trình như sau:**

1. Tên công trình: .....
2. Chủ quản lý (hoặc Chủ quản lý sử dụng):
3. Nội dung công việc thực hiện; địa điểm thực hiện:
4. Thời gian đã thực hiện duy tu bảo dưỡng, sửa chữa gần nhất:
5. Tiêu chuẩn kỹ thuật:
6. Định mức kinh tế – kỹ thuật duy tu bảo dưỡng, sửa chữa:
7. Lý do, mục tiêu, khối lượng duy tu bảo dưỡng, sửa chữa:
8. Tổng hợp kinh phí sửa chữa:..... đồng  
(Kèm theo Phụ lục III.a và Phụ lục III.b)

Trong đó:

- Chi phí sửa chữa phần xây dựng: ..... đồng
- Chi phí sửa chữa phần thiết bị (nếu có): .....đồng

9. Thời gian dự kiến thực hiện:

10. Thời gian hoàn thành:

11. Nguồn vốn:

12. Những nội dung khác (nếu có)

**II. .... đề nghị như sau:**

1. Nhà nước hỗ trợ: ..... đồng

2. Dự kiến mức đóng góp của nhân dân: ..... đồng

..... đề nghị Ủy ban nhân dân xã..... xem xét thẩm định và phê duyệt dự toán ./.

Nơi nhân:

- Như trên;
- Lưu VP

....., Ngày.... Tháng.... Năm 20....

**ĐƠN VỊ LẬP DỰ TOÁN**

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục IIIa

## DỰ TOÁN CHI PHÍ SỬA CHỮA

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ	KÝ HIỆU
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A	CHI PHÍ SỬA CHỮA PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH (I+II+III)	$G_{SCXD.1} + G_{SCXD.2} + GT$		$G_{SCXD}$
I	CHI PHÍ NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ	$VL+NC+M$		$G_{SCXD.1}$
1	Chi phí vật liệu			VL
2	Chi phí nhân công			NC
3	Chi phí máy và thiết bị thi công			M
II	ĐÓNG GÓP CỦA NGƯỜI DÂN	$VL+NC+M$		$G_{SCXD.2}$
1	Chi phí vật liệu			VL
2	Chi phí nhân công			NC
3	Chi phí máy và thiết bị thi công			M
	Chi phí trực tiếp	$G_{SCXD.1} + G_{SCXD.2}$		
III	CHI PHÍ GIÁN TIẾP	$G_{SCXD.1} \times 4,5\%$		GT
B	CHI PHÍ SỬA CHỮA PHẦN THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH (nếu có)			$G_{SCTB}$
	TỔNG CỘNG (A+B)	$G_{SCXD} + G_{SCTB}$		Gsc



**Phụ lục IV**

**MẪU QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH DUY TU, BẢO DƯỠNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND ngày 04/12/2024*

*của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN**

**XÃ .....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: ...../QĐ-UBND

....., ngày .... tháng .... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kế hoạch duy tu, bảo dưỡng**

**Công trình: .....**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ .....**

*Căn cứ.....*

*Căn cứ.....*

*Căn cứ.....*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Phê duyệt kế hoạch duy tu, bảo dưỡng công trình ..... với các nội dung sau:

1. Tên công trình:
2. Chủ sở hữu (hoặc Chủ quản lý sử dụng):
3. Nội dung công việc thực hiện; địa điểm thực hiện:
4. Thời gian đã thực hiện duy tu, bảo dưỡng sửa chữa gần nhất:
5. Tiêu chuẩn kỹ thuật:
6. Định mức kinh tế - kỹ thuật duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa:
7. Lý do, mục tiêu, khối lượng duy tu bảo dưỡng, sửa chữa:
8. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập hồ sơ + dự toán duy tu bảo dưỡng công trình (nếu có):
9. Tổng hợp kinh phí thực hiện duy tu, bảo dưỡng công trình: .....đồng.  
*(kèm theo bảng dự toán chi tiết)*

*Trong đó:*

- a. Chi phí thực hiện các công việc duy tu, bảo dưỡng định kỳ hàng năm: ...đồng.
  - b. Chi phí sửa chữa công trình: ..... đồng.
  - c. Chi phí tư vấn phục vụ duy tu, bảo dưỡng công trình: ..... đồng.
  - d. Chi phí quản lý duy tu, bảo dưỡng công trình: ..... đồng.
10. Thời gian dự kiến thực hiện duy tu, bảo dưỡng:
  11. Thời gian hoàn thành:
  12. Nguồn vốn:
  13. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Giao tổ duy tu, bảo dưỡng thực hiện.
  14. Những nội dung khác (nếu có):

**Điều 2:** Ủy ban nhân dân xã ..... giao cho Ban quản lý các chương trình MTQG xã, tổ công tác duy tu, bảo dưỡng ..... tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành.

**Điều 3:** Ban quản lý các chương trình MTQG xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- UBND huyện;
- Lưu: VP.

**CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên)